

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HS - ST
Ngày: 19/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Kiều Diễm và ông Triệu Xuân Nguyên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thuỳ Chung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Hải Trinh và bà Mã Ngọc Cẩm, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2025/TLST - HS ngày 10/01/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST- HS ngày 05/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn H; Ngày, tháng, năm sinh: 18/5/1992. Nơi sinh: Huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn Th và con bà Hoàng Thị K; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; Tiền án: 01. Ngày 16/01/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 20 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (Bản án số 11/2023/HSST), chấp hành xong bản án ngày 14/3/2024, chưa được xóa án tích.

Về nhân thân: Ngày 18/01/2021, bị Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã (Quyết định số 16/QĐ-UBND), chấp hành xong ngày 20/4/2021. Ngày 11/02/2022 bị Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (Quyết định số 25/QĐ-XPHC), H chưa nộp tiền phạt, tuy nhiên kết quả điều tra xác định: H không cố ý trốn tránh, trì hoãn việc thi hành quyết định và không tái phạm, do đó đến hết ngày 12/02/2024, H được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính đối với quyết định trên.

Bị cáo Nông Văn H đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 31/10/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

2. Họ và tên: Hoàng Đức Đ; Tên gọi khác: Không; Ngày, tháng, năm sinh: 14/4/1989; Nơi sinh: Huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông Hoàng Đức Th1 và bà Nguyễn Thị L; vợ: Nông Thị Ch (đã ly hôn); con: Có 01 con (15 tuổi); Tiền sự: 01. Ngày 30/8/2024 bị Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (đến nay Đôn chưa nộp phạt); Tiền án: Không.

Về nhân thân: Ngày 13/10/2017, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Quyết định số 08/2017/QĐ-TA), chấp hành xong ngày 05/9/2019. Ngày 09/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (Bản án số 19/2020/HS-ST), chấp hành xong bản án ngày 27/5/2021.

Bị cáo Hoàng Đức Đ đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 31/10/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

- Bị hại:

+ Bàn Cao S, sinh năm 1978; trú tại thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

Người được uỷ quyền đại diện tham gia tố tụng: Anh Bế Văn Th2, sinh năm 1988; trú tại thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

+ Bế Văn Th2, sinh năm 1988; trú tại thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Triệu Thị H1, sinh năm 1983; trú tại thôn K, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

+ Nông Văn Th, sinh năm 1960; trú tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

+ Triệu Văn Ch, sinh năm 1988; trú tại thôn R, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Bế Văn Th2 và anh Bàn Cao S có 01 khu rừng thông (loại thông mã vĩ – thông đuôi ngựa) đang khai thác lấy nhựa từ tháng 07/2024 tại thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (anh Th2 và anh S mua lại rừng thông của ông Lương Khánh T, sinh năm 1963, trú tại Tiểu khu A, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào cuối năm 2023). Quá trình khai thác, anh Th2 và anh S thuê anh Triệu Văn Ch trông coi và thực hiện công việc cạo vỏ lấy nhựa thông, thu hoạch nhựa thông, anh Ch dựng lán giữa khu rừng và hằng ngày ăn ở, làm việc tại rừng.

Khoảng 15 giờ ngày 18/9/2024, do có việc gia đình nên anh Ch về nhà tại thôn R, xã T. Khoảng 18 giờ ngày 18/9/2024, Nông Văn H và Hoàng Đức Đ đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen-đỏ (xe không gắn biển số - xe do H mượn của bố H là ông Nông Văn Th, trước khi đi H đã tháo bỏ biển số xe, trên xe có sẵn 01 bao tải dứa màu cam (kẹp ở giá trước yên xe) và 01 dây cao su màu đen (trong cốp xe)) do H điều khiển đi từ nhà ở lên xã B chơi, khi đi qua địa bàn thôn B, xã Đ thì H và Đ quan sát thấy trên đồi có nhiều cây thông lớn, cả hai nghĩ rằng có thể người dân đang khai thác lấy nhựa thông nên đã nảy sinh ý định cùng nhau trộm cắp nhựa thông. Khoảng 20 giờ ngày 18/9/2024, H điều khiển xe mô tô trên chõ theo Đ từ xã B xuống khu vực gần trường Mầm non Đ, H dựng xe ở dưới đường, cầm theo bao tải trên xe và cùng Đ đi bộ theo đường mòn lên đến khu vực rừng thông của anh Th2 và anh S. Dưới ánh sáng tự nhiên, H và Đ quan sát thấy trong khu rừng có nhiều cây thông đã được cạo vỏ, phần vỏ đã cạo này có túi ni-lon được gắn ở dưới để hứng nhựa từ cây thông chảy ra, bên trong túi ni-lon có nhựa thông màu trắng đục đã đóng thành cục, có 01 lán bạt ở trong rừng nhưng không có người trông coi, không thắp đèn, H và Đ lén lút sử dụng tay bóc các cục nhựa thông trong các túi ni-lon cho vào bao tải mang theo. Khi bao tải đầy, H và Đ dùng dây rừng buộc miệng bao lại và cùng nhau mang bao tải xuống chỗ để xe mô tô. Sau đó, H đi xe mô tô chở Đ xuống khu vực chợ B mua thêm được 04 bao tải dứa màu cam và 04 túi nilon to (mua bằng tiền của H) rồi cả hai quay trở lại khu vực vừa trộm cắp và để xe mô tô ở vị trí cũ. H và Đ lồng các túi nilon vào các bao tải dứa (mục đích để nhựa thông không chảy ra ngoài) và tiếp tục dùng tay bóc nhựa thông cho vào các bao tải. Đến khi đã đầy cả 04 bao tải, lúc này khoảng hơn 02 giờ sáng ngày 19/9/2024, H và Đ cùng nhau mang vác các bao tải xuống chỗ để xe mô tô, Đ một mình điều khiển xe mô tô chở theo 03 bao tải nhựa thông (chằng buộc bằng dây cao su) theo đường Quốc lộ 3 đi về hướng xã B khoảng 03km rồi rẽ vào đường mòn đến một bãi đất trống và cất giấu 03 bao tải nhựa thông ở đó, rồi Đ đi xe mô tô quay lại để chở H cùng 02 bao tải nhựa thông đến địa điểm vừa rồi và cả hai ngủ nghỉ tại đây. Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 19/9/2024, H và Đ chở 05 bao tải nhựa thông đến nhà chị Triệu Thị H1, sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã B, huyện N để bán (H chở 03 bao tải đến nhà chị H1 trước, rồi quay lại đón Đ cùng 02 bao tải nhựa theo). Chị Triệu Thị H1 cân các bao tải nhựa thông lên được hơn 200kg và trả cho H, Đ số tiền 5.600.000 đ (năm triệu sáu trăm nghìn đồng). Sau khi có được tiền từ việc bán tài

sản trộm cắp, H, Đ sử dụng 600.000 đồng để ăn uống, số tiền còn lại cả hai chia nhau mỗi người được 2.500.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 10 giờ sáng 19/9/2024, anh Triệu Văn Ch quay trở lại khu rừng thì phát hiện bị mất rất nhiều nhựa thông nên đã báo cho anh Bế Văn Th2, anh Th2 đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an. Thông qua các hoạt động xác minh, ngày 22/9/2024, cơ quan Công an đã tạm giữ 05 bao tải nhựa thông tại nhà chị Triệu Thị H1 để phục vụ điều tra.

Tại Biên bản cân xác định khối lượng chất dạng cục màu trắng nghi là nhựa thông ngày 22/9/2024, kết quả: 05 bao tải màu cam bên trong là lớp túi ni-lon có chứa chất dạng cục nghi là nhựa thông có khối lượng lần lượt là: 39kg, 37kg, 46kg, 39kg và 62kg. Tổng cộng khối lượng cả 05 bao là 223kg. Sau khi cân, các bao tải được niêm phong, ký hiệu lần lượt là B1, B2, B3, B4, B5.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành trích các mẫu nghi là nhựa thông ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 trong các bao tải ký hiệu từ B1 đến B5, đồng thời lập tổ công tác trích mẫu nhựa thông thu trực tiếp từ cây thông mã vĩ (mẫu ký hiệu NS3A 095782) gửi trưng cầu giám định. Tại bản Kết luận giám định số 7662/KL-KTHS ngày 11/10/2024 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: *“Các mẫu chất dạng cục, màu trắng được đựng trong các phong bì có ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 gửi giám định đều có cùng thành phần hóa học (α -pinene, β -pinene, camphene, longifolene, palustric acid, abietic acid, pimaric acid, isopimaric acid, neoabietic acid...) với mẫu nhựa thông gửi so sánh ghi thu của cây thông mã vĩ (thông đuôi ngựa) được đựng túi niêm phong mã số: NS3A 095782”*.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 34 ngày 18/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: *“Tổng giá trị tài sản yêu cầu định giá là 223kg nhựa thông có giá trị là 5.909.500 đồng”*.

Cáo trạng số 02/CT - VKSNS ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo Nông Văn H và Hoàng Đức Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn giữ quyền công tố, kiểm sát xét xử trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nông Văn H và Hoàng Đức Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nông Văn H từ 24 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam. Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Đức Đ từ 21 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ

ngày bị cáo bị bắt tạm giam. Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự

Buộc các bị cáo Nông Văn H và Hoàng Đức Đ phải liên đới hoàn trả cho chị Triệu Thị H1 số tiền 5.600.000đ đồng (trong đó Hải phải hoàn trả cho chị H1 số tiền là 2.600.000đồng, Đ phải trả phải hoàn trả cho chị H1 số tiền là 2.600.000đồng)

- **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Trả lại cho ông Nông Văn Th 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đen-đỏ, 01 (một) biển số xe mô tô 30M1-8202 cùng 01 (một) giấy đăng ký xe.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và các vấn đề khác như bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời sau cùng đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại Bé Văn Th2 không có yêu cầu bồi thường gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Thị H1 yêu cầu các bị cáo hoàn trả cho chị H1 số tiền 5.600.000đồng chị H1 đã bỏ ra mua nhựa thông của các bị cáo. Ông Nông Văn Th có yêu cầu lấy lại chiếc xe mô tô là tài sản riêng của ông do bị cáo H mượn và đã sử dụng vào việc phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định được như sau: Khoảng 20 giờ ngày 18/9/2024, tại khu rừng thông đang khai thác lấy nhựa của anh Bé Văn Th2 và anh Bàn Cao S, Nông Văn H và Hoàng Đức Đ đã có hành vi cùng nhau lén lút trộm cắp 223kg nhựa thông trị giá 5.909.500đ (năm triệu chín trăm linh chín nghìn năm trăm đồng) đem bán được số tiền 5.600.000 đồng sau đó đem tiêu xài cá nhân hết. Trong vụ án này, các bị cáo là đồng phạm giản đơn, cùng nhau bàn bạc và cùng

thực hiện hành vi phạm tội. Toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp được các bị cáo đã cùng nhau tiêu sài cá nhân hết.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tổng giá trị tài sản do các bị cáo trộm cắp là 5.600.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số: 02/CT - VKSNS ngày 08/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như mô tả trong Bản cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà bị hại Bế Văn Th2 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nông Văn H: Ngày 16/01/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 20 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (Bản án số 11/2023/HSST), chấp hành xong bản án ngày 14/3/2024, chưa được xóa án tích. Phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân là quyền được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân xấu (bị cáo H năm 2023 có 01 tiền án chưa được xóa án tích, năm 2022 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo Đ năm 2024 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, năm 2020 bị TAND huyện N xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản).

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố; căn cứ tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Hội đồng xét xử nhận thấy lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn không có tổ chức, phân công, mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nằm trong khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố nên được chấp nhận. Bị cáo Hải phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Đôn.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và lời khai

của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện, các bị cáo đều là lao động tự do, không có nghề nghiệp, không có thu nhập, sống phụ thuộc gia đình do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại đã nhận lại được tài sản bị mất và không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì khác.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị H1 là người được mua tài sản với H và Đ với số tiền 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm nghìn đồng), tài sản chị H1 mua với các bị cáo cơ quan điều tra đã thu giữ trả cho bị hại, đến thời điểm hiện tại các bị cáo chưa bồi thường. Chị H1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền trên. Yêu cầu của chị H1 là hợp pháp buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị H1 toàn bộ. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

[6] Về vật chứng:

Đối với 223kg nhựa thông là tài sản trộm cắp đã thu giữ lại được, xét không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu.

Đối với các vật chứng gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đen-đỏ, 01 biển số xe mô tô 30M1-8202 cùng 01 giấy đăng ký xe bị tạm giữ. Quá trình điều tra xác định đây là chiếc xe do ông Th sử dụng tiền của cá nhân để mua về sử dụng (mua lại xe cũ), ngày 18/9/2024 Hải mượn xe của ông để sử dụng tuy nhiên việc H tháo bỏ biển số xe và sử dụng xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ông Th không biết nên cần trả lại xe cho ông Th là đúng pháp luật.

[7] Đối với chị Triệu Thị H1 là người được mua tài sản với H và Đ. Quá trình điều tra xác định chị H1 không biết tài sản do H, Đ đem bán do trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý đối với chị H1.

Đối với ông Nông Văn Th (bố của H), chủ sở hữu xe mô tô biển số 30M1-8202, quá trình điều tra xác định việc Hải tháo bỏ biển số xe và sử dụng xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ông Th không biết nên cơ quan điều tra không xử lý đối với ông Th là đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố các bị cáo Nông Văn H và Hoàng Đức Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nông Văn H 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/10/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Đức Đ 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/10/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới hoàn trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị H1 số tiền 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền cụ thể từng bị cáo phải hoàn trả:

- Bị cáo Nông Văn H phải hoàn trả số tiền 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Hoàng Đức Đ phải hoàn trả số tiền 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho ông Nông Văn Th 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đen-đỏ, (không gắn biển đăng ký), số khung: RLHJC4328BY088932, số máy JC43E6000764. Tình trạng đã niêm phong.

- 01 (một) túi niêm phong ký hiệu NS2, số NS2 210366801, bên trong có: 01 (một) đăng ký mô tô, xe máy, mang tên Trần Văn H2, số 000744 và 01 (một) biển số xe mô tô, số 30M1-8202.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/01/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Các bị cáo được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS huyện N;
- Công an tỉnh Bắc Kạn (PC10);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hiền Công Hanh